| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN N**<br>TỈNH ĐIỆN BIÊN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 35/2019/HS-ST
Ngày 06-8-2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N**
**TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Nguyễn Mạnh Huấn**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Quàng Văn Trường**

Ông **Hạng A Sáng**

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà **Phan Thị Thùy Dung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- ***Đại diện VKSND huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà:*** Ông **Phùng Việt Hùng**, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

**Khoàng Văn B**, sinh năm 1974 tại thị xã M, tỉnh Điện Biên.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản N 2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Khoàng Văn L, đã chết; Con bà: Lò Thị Th, sinh năm 1943.

Bị cáo có vợ Lường Thị T, sinh năm 1979 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 1998.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 22/02/2019, tạm giam ngày 25/02/2019, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Bùi Đình M, Luật sư của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 22 tháng 02 năm 2019, Khoàng Văn B đi bộ từ nhà ở bản N 2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên đến huyện N, tỉnh Điện Biên mục đích tìm mua ma túy về sử dụng. Bị cáo đi đến khu vực mốc 66 biên giới Việt Nam - Lào thì gặp, giao dịch và mua của một người đàn ông dân tộc Mông khoảng 50 tuổi bị cáo không rõ lai lịch một gói ni lông màu hồng bên trong có chứa ma túy với giá 500.000 đồng. Mua được ma túy, bị cáo cất vào túi áo ngực bên phải rồi đi về. Hồi 17 giờ 30 phút cùng ngày, tại khu vực mốc 66 biên giới Việt Nam - Lào thuộc bản Đ, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên bị cáo bị tổ công tác của Đồn biên phòng S phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Cáo trạng số 37/CT-VKSNP ngày 27/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Khoàng Văn B về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; Điều 38, Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt bị cáo Khoàng Văn B từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, bản luận tội và lời bào chữa của Luật sư.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

**Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:**

[1] Về chứng cứ phạm tội:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 18 giờ 00 phút ngày 22/02/2019 bút lục 01, 02 chứng minh bị cáo Khoàng Văn B bị bắt khi đang tàng trữ ma túy. Tổ công tác Đồn Biên phòng S tạm giữ của bị cáo 02 gói ni lông màu hồng có chứa chất bột dạng nén nghi là Heroine đồng thời tạm giữ của bị cáo 10 viên nén màu hồng nghi là ma túy tổng hợp.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 14 giờ 15 phút ngày 23/02/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N bút lục số 28, 29 khối lượng vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Khoàng Văn B là 14,1 gam Heroine, trích mẫu gửi giám định 0,4 gam và 0,96 gam ma túy tổng hợp trích mẫu gửi giám định 0,27 gam.

Kết luận giám định số 316/GĐ-PC09 ngày 09/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên bút lục số 32 mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Khoàng Văn B gửi giám định là chất ma túy loại Heroine; mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Khoàng Văn B gửi giám định là chất ma túy loại Methamphetamine. Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 9, mục IA danh mục I; Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, mục IIC danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Không hoàn lại đối tượng giám định.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Khoàng Văn B có tội. Chứng cứ xác định bị cáo đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy được quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp và đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khoàng Văn B có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[2] Về tính chất mức độ phạm tội:

Khối lượng ma túy bị thu giữ của Khoàng Văn B là 14,1 gam Heroine và 0,96 gam Methamphetamine. Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự thì tổng khối lượng hai chất ma túy được cộng vào để làm căn cứ truy tố, xét xử đối với bị cáo là 15,06 gam. Khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ ở trong khoảng từ 05 gam đến dưới 30 gam. Tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù.

[3] Về nhân thân của bị cáo:

Bị cáo sinh ra và lớn lên ở thị xã M, tỉnh Điện Biên. Năm 1995, bị cáo lập gia đình ở bản N 2, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Tuổi đời bị cáo đã cao nhưng do

nghiện chất ma túy nhiều năm bị cáo không từ bỏ được. Đây là nguyên nhân chính mà bị cáo phải nhận một bản án không đáng có.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có án tích do vậy lần phạm tội này bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Luật sư bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt. Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo nhưng vẫn phải nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Song xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, tài sản trong gia đình không có gì giá trị, bị cáo không giữ chức vụ gì trong xã hội, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Khoàng Văn B.

[8] Về vật chứng:

Vật chứng của vụ án là 14,1 gam Heroine, trích mẫu gửi giám định 0,4 gam không hoàn lại đối tượng giám định và 0,96 gam Methamphetamine, trích mẫu gửi giám định 0,27 gam không hoàn lại đối tượng giám định. Vật chứng này tịch thu

tiêu hủy theo điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[11] Các vấn đề khác:

Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ bị cáo khai mua của một đàn ông dân tộc Mông khoảng 50 tuổi bị cáo không rõ lai lịch ở khu vực mốc 66 biên giới Việt Nam - Lào. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không có đủ cơ sở để làm rõ đối tượng. Hội đồng xét xử không xem xét.

**Vì các lẽ trên,**

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm n khoản 2 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

**1. Tuyên bố:** Bị cáo **Khoàng Văn B** phạm tội **"Tàng trữ trái phép chất ma tuý".**

**2. Hình phạt:** Xử phạt bị cáo **Khoàng Văn B 07** (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 22/02/2019.

**3. Xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 15,06 gam Heroine và Methamphetamine, trích mẫu gửi giám định 0,67 gam không hoàn lại đối tượng giám định. Vật chứng còn lại 14,39 gam và toàn bộ phần giấy nilon, phong bì niêm phong cũ được đựng trong phong bì niêm phong có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 15 giờ 40 phút ngày 27/6/2019 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

**4. Án phí:** Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

**5. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Khoàng Văn B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 06/8/2019.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo, Luật sư bào chữa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Mạnh Huấn**